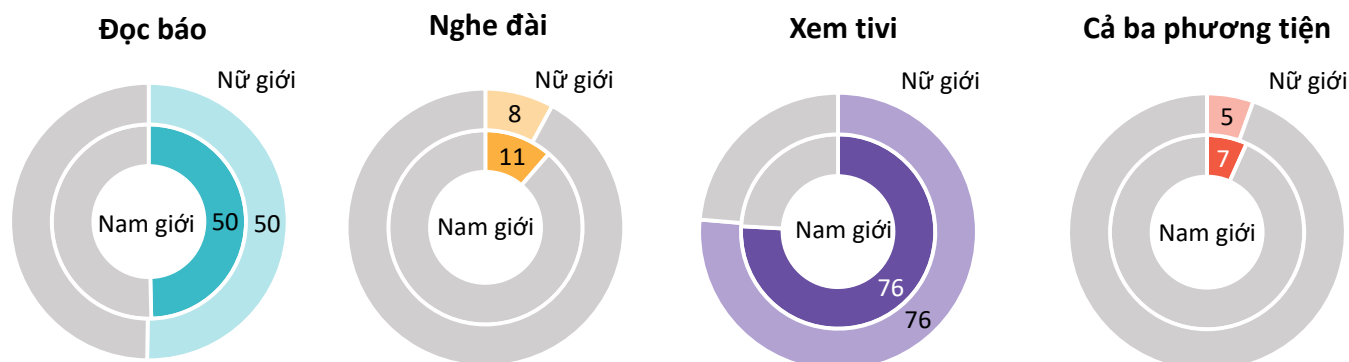


Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021



Truyền thông, công nghệ thông tin và internet

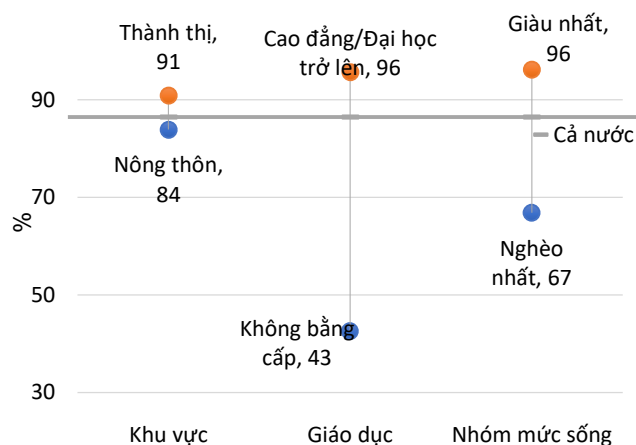
Tiếp cận truyền thông



Phần trăm phụ nữ và nam giới từ 15-49 tuổi tiếp cận hàng tuần với phương tiện truyền thông cụ thể (báo, đài, tivi) và phần trăm phụ nữ và nam giới từ 15-49 tuổi tiếp cận hàng tuần với cả ba phương tiện

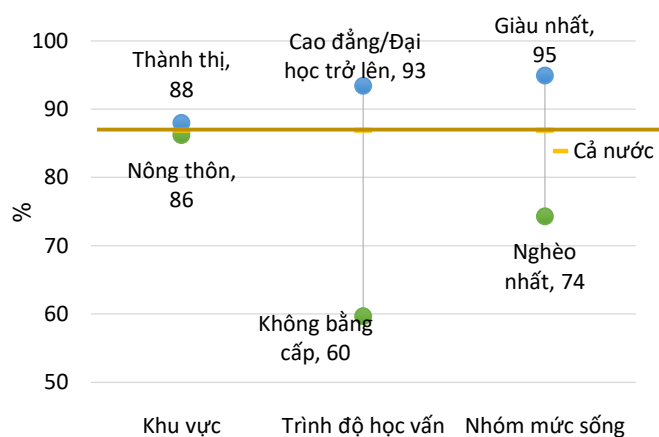
Sự bất bình đẳng về khả năng tiếp cận truyền thông

Tỷ lệ đọc báo, nghe đài và xem tivi hàng tuần



Phần trăm phụ nữ 15-49 tuổi đọc báo, nghe đài và xem tivi hàng tuần

Tỷ lệ nam giới nghe đài, đọc báo và xem tivi hàng tuần



Phần trăm nam giới 15-49 tuổi đọc báo, nghe đài và xem tivi hàng tuần

Thông điệp chính

- Tivi là phương tiện truyền thông phổ biến nhất, sau đó là báo và đài.
- Những người có trình độ học vấn cao và thuộc các hộ giàu hơn được tiếp cận với các phương tiện truyền thông nhiều hơn.
- Tỷ lệ người dân sở hữu thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông có khác biệt giữa các nhóm dân số. Tỷ lệ hộ gia đình sở hữu máy tính và internet tại nhà có sự khác biệt đáng kể giữa các khu vực, vùng miền và các nhóm mức sống.
- Tỷ lệ phụ nữ và nam giới sử dụng điện thoại di động đều rất cao.
- Cứ 10 phụ nữ hoặc nam giới từ 15-49 tuổi thì có chưa đến 3 người có kỹ năng công nghệ thông tin truyền thông cơ bản.
- Không có sự khác biệt đáng kể giữa các vùng hay giữa nam giới và phụ nữ về kỹ năng công nghệ thông tin

cơ bản, nhưng có sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm dân tộc. Tỷ lệ nữ giới và nam giới dân tộc Mông có kỹ năng công nghệ thông tin truyền thông cơ bản là thấp nhất cả nước (0,4% phụ nữ và 2,7% nam giới dân tộc Mông).

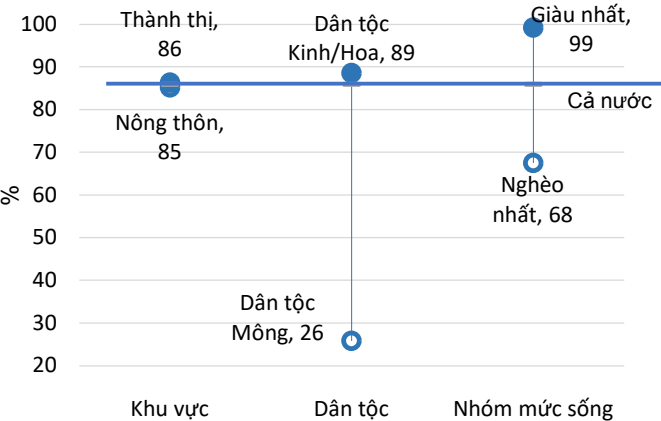
Hộ gia đình sở hữu thiết bị công nghệ thông tin truyền thông (CNTTTT) và internet tại nhà

Vùng	Đài (%)	Tivi (%)	Điện thoại cố định (%)	Điện thoại di động (%)	Máy tính tại nhà (%)	Internet tại nhà (%)
Toàn quốc	7	86	3	96	29	72
Đồng bằng sông Hồng	11	93	6	98	59	89
Trung du và miền núi phía Bắc	5	83	1	97	17	60
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	5	89	2	94	26	67
Tây Nguyên	5	82	3	93	27	60
Đông Nam Bộ	5	79	6	98	49	85
Đồng bằng sông Cửu Long	8	87	4	97	20	72

Phần trăm hộ gia đình sở hữu đài, tivi, điện thoại cố định, điện thoại di động, máy tính và có thể truy cập internet tại nhà

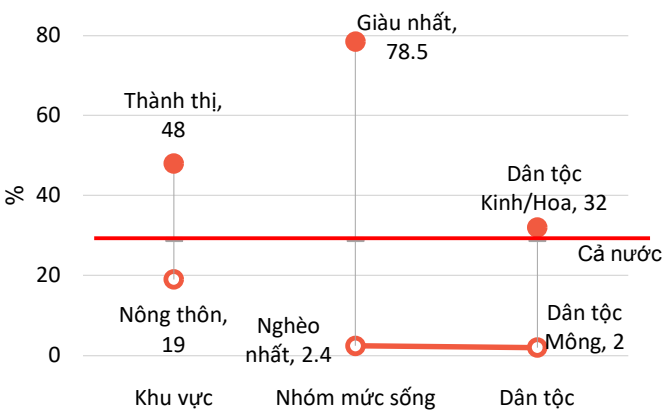
Sự bất bình đẳng trong việc sở hữu thiết bị CNTTTT và internet tại nhà

Hộ sở hữu tivi



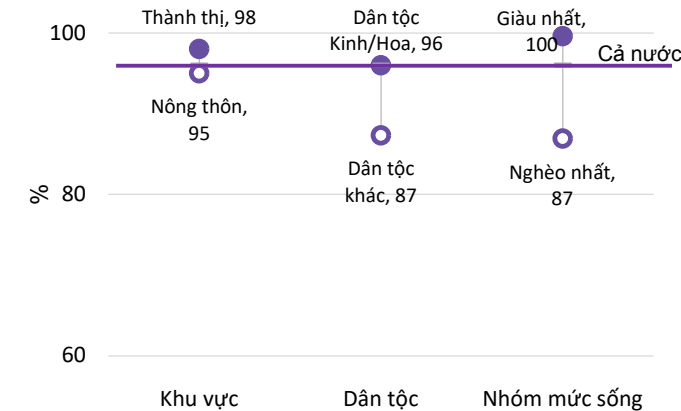
Phần trăm hộ sở hữu tivi tại nhà

Hộ sở hữu máy tính



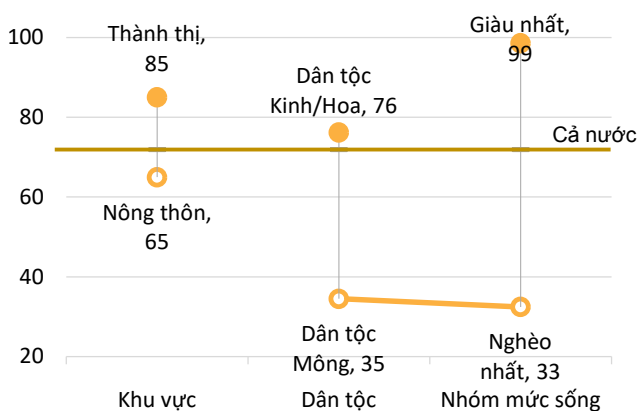
Phần trăm hộ sở hữu máy tính tại nhà

Hộ sở hữu điện thoại di động



Phần trăm hộ sở hữu điện thoại di động

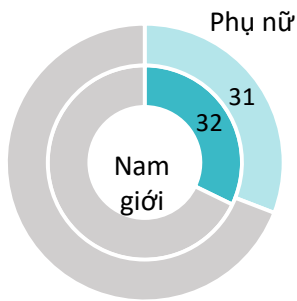
Hộ có truy cập internet



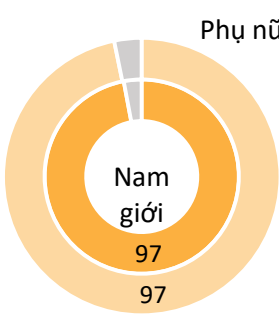
Phần trăm hộ có truy cập internet tại nhà

Sử dụng phương tiện công nghệ thông tin & truyền thông

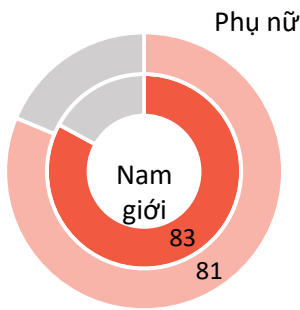
Sử dụng máy vi tính



Sử dụng điện thoại di động



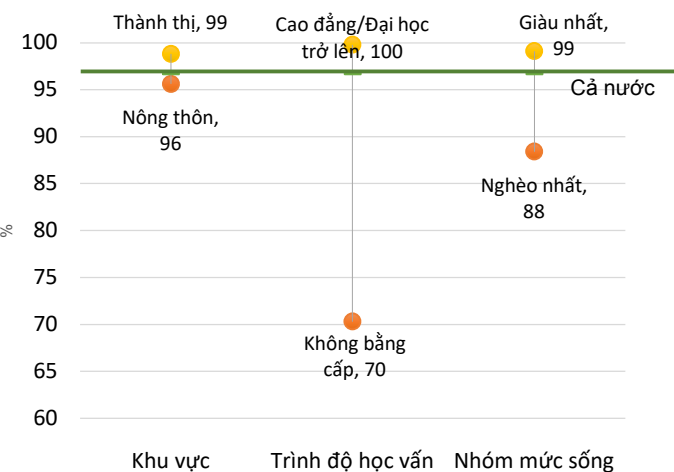
Sử dụng internet: SDG17.8.1



Phần trăm phụ nữ và nam giới 15-49 tuổi sử dụng máy tính, điện thoại di động và internet trong 3 tháng qua

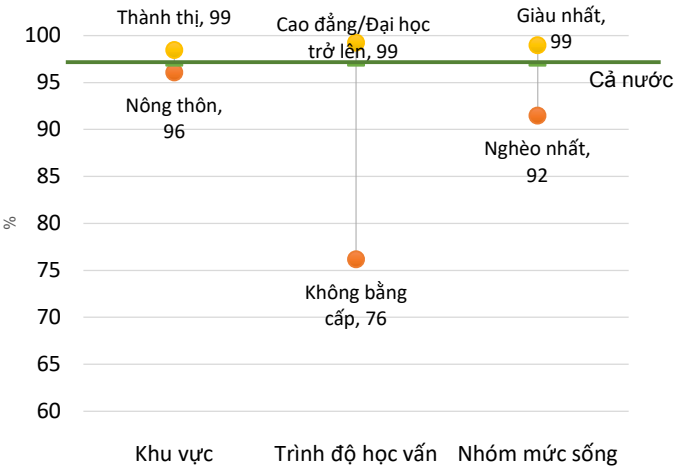
Tình hình sử dụng phương tiện công nghệ thông tin truyền thông

Phụ nữ sử dụng điện thoại di động



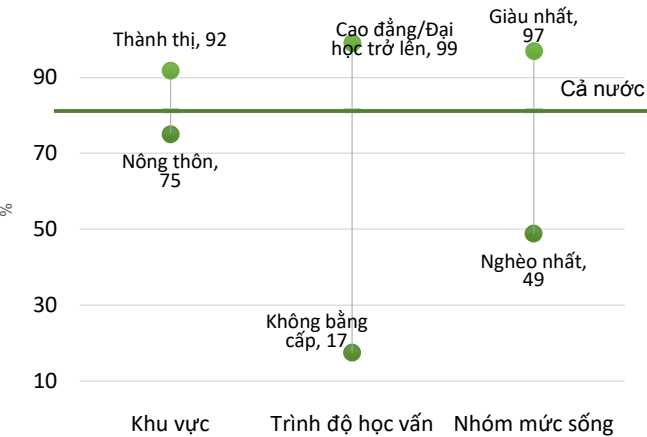
Phần trăm phụ nữ 15-49 tuổi sử dụng điện thoại di động trong 3 tháng qua

Nam giới sử dụng điện thoại di động



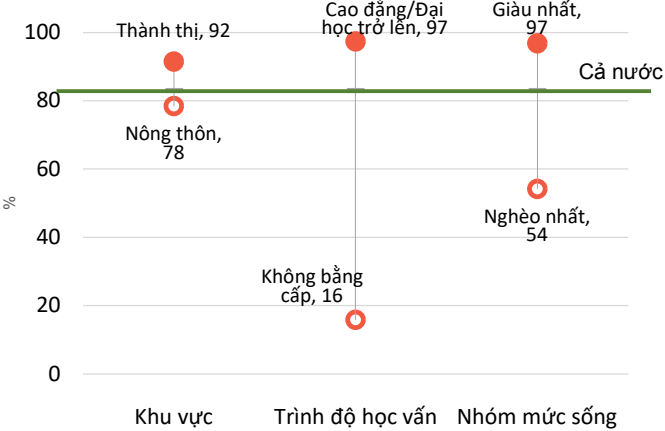
Phần trăm nam giới 15-49 tuổi sử dụng điện thoại di động trong 3 tháng qua

Phụ nữ sử dụng internet : SDG17.8.1



Phần trăm phụ nữ 15-49 tuổi sử dụng internet trong 3 tháng qua

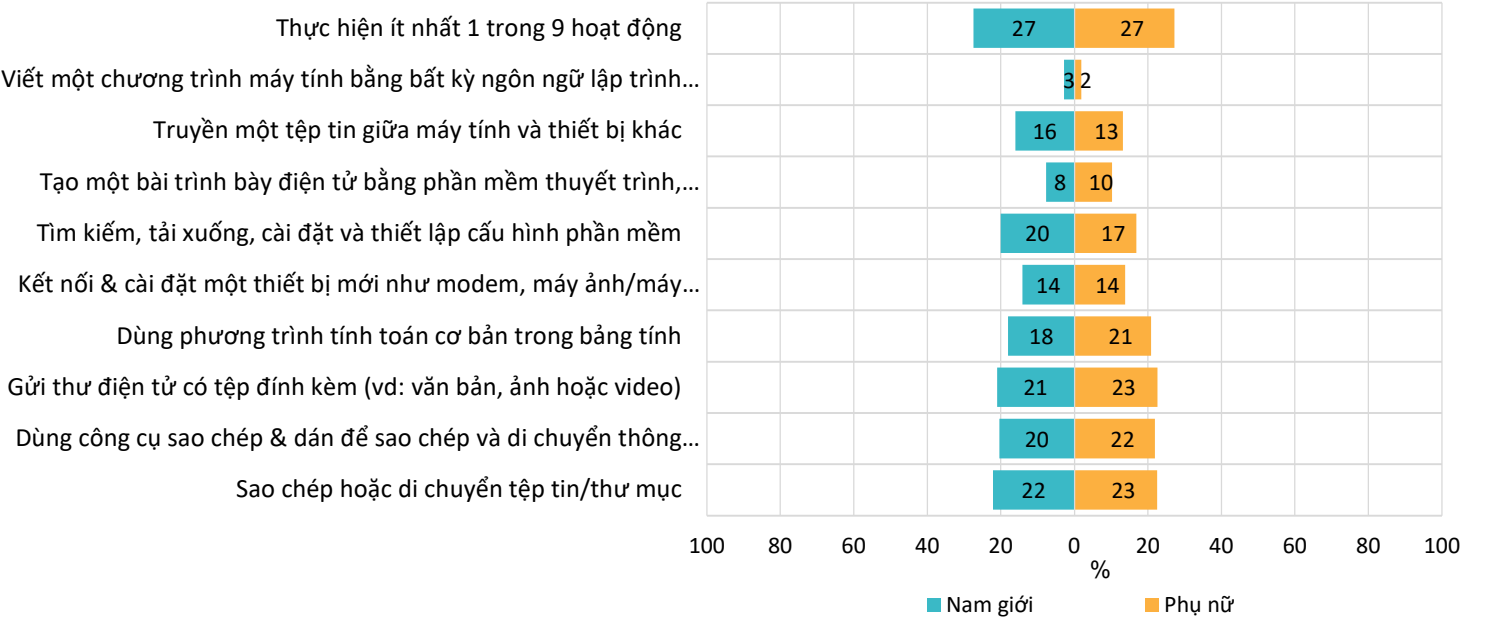
Nam giới sử dụng internet: SDG17.8.1



Phần trăm nam giới 15-49 tuổi sử dụng internet trong 3 tháng qua

Kỹ năng công nghệ thông tin truyền thông (CNTTTT)

Kỹ năng tin học cụ thể



Phần trăm phụ nữ và nam giới 15-49 tuổi thực hiện các hoạt động cụ thể liên quan đến máy tính trong 3 tháng qua và phần trăm thực hiện ít nhất một trong những hoạt động này

Số liệu về sử dụng và kỹ năng CNTTTT của phụ nữ theo vùng

Vùng	Sử dụng máy tính (%)	Sử dụng điện thoại di động (%)	Sử dụng internet (%)	Thực hiện ít nhất một hoạt động liên quan đến máy tính (%)
Toàn quốc	30,9	96,8	81,3	27,2
Đồng bằng sông Hồng	40,5	98,8	89,8	37,2
Hà Nội	59,6	99,5	93,2	55,4
Trung du và miền núi phía Bắc	18,6	94,4	67,9	16,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	30,2	95,9	80,2	27,6
Tây Nguyên	21,9	87,9	60,2	20,6
Đông Nam Bộ	38,6	98,9	91,2	35,2
TP Hồ Chí Minh	45,6	98,8	94,5	43,2
Đồng bằng sông Cửu Long	19,9	98,2	75,1	17,6

Phần trăm phụ nữ 15-49 tuổi sử dụng máy tính, điện thoại di động và internet trong 3 tháng qua và phần trăm thực hiện ít nhất một hoạt động liên quan đến máy tính

Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về trẻ em và nữ giới (SDGCW) Việt Nam do Tổng cục Thống kê thực hiện trong năm 2020-2021 trong khuôn khổ chương trình MICS toàn cầu của UNICEF với sự hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của UNICEF và UNFPA. Mục tiêu của tài liệu tóm lược này là

phổ biến những kết quả được chọn lọc từ Điều tra SDGCW Việt Nam 2020-2021 liên quan đến truyền thông, công nghệ thông tin và internet. Số liệu trong tài liệu tóm lược này được trình bày trong các Bảng SR.9.1W, SR.9.1M, SR.9.2, SR.9.3W, SR.9.3M, SR.9.4W và

SR.9.4M của Báo cáo kết quả điều tra. Tài liệu tóm lược về các thống kê khác và Báo cáo tóm tắt kết quả của cuộc điều tra này và các cuộc điều tra khác được đăng tải trên mics.unicef.org/surveys.